

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Theo chương trình GDPT 2018, việc đổi mới phương pháp dạy và học rất được quan tâm và chú trọng. Qua mỗi bài học, người học được học kiến thức và có cơ hội phát triển các năng lực, phẩm chất của mình. Ngôn ngữ thông qua lời nói, giao tiếp là cách rõ ràng để đánh giá được mức độ nhận thức của người học cũng như thấy được năng lực của người học. Vì thế dạy học không chỉ là dạy cho các em kỹ năng đọc, viết, nghe, nói, tính toán, quan sát... mà điều quan trọng là dạy các em sử dụng lời nói để diễn đạt một vấn đề, một nội dung, một kiến thức,... sao cho phù hợp.

Nếu một người đọc thông, viết thạo tất cả các văn bản, có tài, có trình độ song khi nói trước tập thể thì sợ sệt, nhút nhát hoặc khi giao tiếp không gây được tình cảm, mối thân thiện với mọi người, để lại ấn tượng không tốt thì người đó khó mà thành công trong công việc. Chính vì vậy, để sau này lớn lên các em có một nhân cách tốt, biết nói năng lễ phép, lịch sự, biết nói lời biểu cảm trong giao tiếp và mạnh dạn khi giao tiếp với mọi người xung quanh thì ngay từ các lớp đầu cấp của tiểu học chúng ta cần rèn cho học sinh kỹ năng nói trong giờ dạy Tiếng Việt.

Và qua thực tế giảng dạy, bản thân tôi nhận thấy phát triển kỹ năng nói trong giờ dạy Tiếng Việt cho học sinh lớp 3 là điều hết sức cần thiết và quan trọng. Tuy vậy, không phải giáo viên nào cũng coi trọng điều này. Nhiều thầy cô quan điểm rằng miễn sao học sinh hiểu và làm được bài là được, không cần phải trình bày rõ ràng, rành mạch. Những việc này làm cho nhiều học sinh bị hạn chế trong giao tiếp. Việc hạn chế trong giao tiếp không chỉ ảnh hưởng đến việc học tập môn Tiếng Việt mà còn ở tất cả các môn học khác và trong cả cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các em. Bên cạnh đó, trong nhà trường việc kiểm tra đang chỉ dừng lại ở kỹ năng đọc và viết nên kỹ năng nói chưa thực sự được chú trọng. Đối với HS ở vùng miền này thì còn nhút nhát, nói chưa có nội dung, chưa nói hết được nội dung, được cảm xúc; câu nói còn ngắn.

Nhận biết được tầm quan trọng của việc đổi mới SGK lớp 3, căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong các môn học nói chung và môn Tiếng Việt nói riêng và nhận thức được vai trò, ý nghĩa của việc phát triển kỹ năng nói cho học sinh, trong năm học 2023- 2024 này tôi quyết định nghiên cứu, xây dựng biện pháp: ***“Phát triển kỹ năng nói cho học sinh lớp 3 qua môn Tiếng Việt”*** với mong muốn được nâng cao chất lượng dạy học, phát triển kỹ năng nói cho các em.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN NGHIÊN CỨU VÀ ÁP DỤNG:

- Học sinh lớp 3B, Trường Tiểu học Châu Sơn
- Theo dõi và kiểm tra đánh giá trực tiếp của giáo viên cùng với đồng nghiệp
- Đối chiếu với các tiết học không đầu tư và đổi mới phương pháp rút ra kinh nghiệm dạy học.
- Thời gian từ 5/9/2023 đến tháng 4 năm 2024.

III. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI:

- Tìm hiểu thực trạng dạy- học phát triển kỹ năng nói của giáo viên và học sinh.

- Đổi mới phương pháp dạy học, đưa các biện pháp dạy học mới đã nghiên cứu vào dạy kỹ năng nói góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

- Giáo viên: Thực hiện được việc giúp học sinh phát triển kỹ năng nói đạt hiệu quả. Truyền tải tâm huyết, mong muốn học sinh nói tốt hơn.

- Học sinh: thích thú với việc học, mong muốn đến giờ học và muốn được tự tin thể hiện mình.

IV. SƠ LƯỢC NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN NHẤT CỦA ĐỀ TÀI:

Theo chương trình GDPT 2018, coi trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học. Nên việc dạy học không chỉ dạy cho các em kỹ năng đọc, viết, nghe, nói, quan sát, giải được bài toán... mà điều quan trọng là dạy các em sử dụng lời nói phù hợp trong giao tiếp và dùng nó để thể hiện kiến thức và sự hiểu biết của bản thân. Qua các bài giảng đã truyền thụ đến học sinh, tôi nhận thấy ở các em niềm say mê và hứng thú học tập. Tạo cho các em thói quen biết nói năng lễ phép, lịch sự, biết nói lời biểu cảm trong giao tiếp và mạnh dạn khi giao tiếp, mạnh dạn diễn giải, lí luận một vấn đề nào đó với mọi người xung quanh. Các em sử dụng lời nói phù hợp trong mọi tình huống. Khi nói trước tập thể không sợ sệt, nhút nhát, tạo được tình cảm, mối thân thiện với mọi người.

Bản thân tôi vừa dạy vừa nghiên cứu để tìm ra những giải pháp mới nhằm vận dụng giảng dạy và trao đổi với các bạn đồng nghiệp giúp cho công tác giảng dạy trong nhà trường ngày một tốt hơn.

V. KHẲNG ĐỊNH TÍNH SÁNG TẠO VỀ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN:

Trong thời gian tiến hành một số biện pháp phát triển kỹ năng nói cho HS trong lớp tôi nhận thấy không khí trong những giờ học trở nên sôi nổi hơn, học sinh rất tích cực, các em chuyển từ thụ động sang chủ động chiếm lĩnh kiến thức, thích thú với những hình thức học tập mới lạ. Đa số học sinh đã thực hiện được các hoạt động, nói lưu loát, lễ phép và hoàn thành yêu cầu cần đạt của tiết học. Học sinh trở nên tự tin, mạnh dạn, hứng thú, tích cực hơn đối với những các tiết học. Khi tiến hành các hoạt động, tình huống giao tiếp có vấn đề các em đã có nhiều cách xử lí hay, thú vị và thông minh. Khi giáo viên vận dụng các phương pháp, hình thức dạy học mới thì các em hào hứng, tham gia nhiệt tình vào tiết học. Qua đó mà kỹ năng nói của các em được hình thành và gắn liền với các bài học gần gũi với thực tiễn cuộc sống. Từ đó giúp học sinh củng cố, khắc sâu kiến thức một cách bền vững, kỹ năng giao tiếp được phát triển, thái độ học tập có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng học tập.

Về phía bản thân, tôi cảm thấy nhẹ nhàng hơn, không còn mệt mỏi khi truyền thụ kiến thức cho học sinh. Vì kiến thức được các em tiếp thu một cách chủ động, tích cực thông qua các hình thức tổ chức dạy học phong phú. Tôi có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học sao cho phù hợp nhất, đảm bảo rèn đúng kỹ năng cho học sinh theo mục tiêu bài tập.

B. PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN

I. Cơ sở lý luận:

- Học sinh tiểu học còn nhỏ nên quá trình nhận thức thường gắn với những hình ảnh, hoạt động cụ thể.

- Trí thông minh là sự tổng hợp, phối hợp nhịp nhàng các năng lực trí tuệ như : quan sát, ghi nhớ, óc tưởng tượng và chủ yếu là năng lực tư duy mà đặc trưng là năng lực tư duy độc lập, linh hoạt, sáng tạo, vận dụng những hiểu biết đã học để giải quyết vấn đề được đặt ra một cách tốt nhất.

- Phương pháp dạy học hiện nay coi trọng việc lấy học sinh làm trung tâm thầy cô là người định hướng để các em tiếp thu kiến thức một cách chủ động.

- Tổ chức tốt các hoạt động trong giờ dạy để giờ học không còn nhàm chán, nặng nề với học sinh. Giúp học sinh ghi nhớ khắc sâu kiến thức của bài và vận dụng làm bài, kết nối tri thức với cuộc sống tốt là vấn đề cần thiết.

- Mặt khác nếu kế hoạch bài dạy tốt nhưng khi giảng dạy người giáo viên không có phương pháp, kỹ năng, có các hình thức tổ chức tốt các hoạt động dạy học, kết hợp cùng sự hỗ trợ của phụ huynh học sinh thì giờ học cũng không đạt hiệu quả.

II. Mục tiêu, nguyên tắc tổ chức các hoạt động học tập của môn Tiếng Việt:

1. Mục tiêu:

Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt mà chương trình tổng thể đưa ra. Kết hợp quá trình nghiên cứu, lựa chọn các loại sách giáo khoa phù hợp để phục vụ giảng dạy. Trường chúng tôi đã lựa chọn Sách Tiếng Việt Kết nối tri thức do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn và in ấn. Các tiết học tôi đều hướng tới mục tiêu chung:

- Làm cho việc học ngôn ngữ hấp dẫn và thú vị.
- Giúp HS phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ.
- Dạy học qua các hoạt động giao tiếp tự nhiên và gần gũi với đời sống.
- Bài học có sự tích hợp kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.
- Tích hợp giáo dục ngôn ngữ với các nội dung giáo dục khác giúp học sinh phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung .
- Bài học thiết kế các hoạt động (nhiệm vụ của HS được thể hiện tường minh).
- HS được trải nghiệm, chia sẻ hiểu biết, cảm xúc, hứng thú... (tăng cường tương tác). Khơi gợi hứng thú của học sinh.

Đặc biệt việc xác định yêu cầu cần đạt về kỹ năng nói cho học sinh trong chương trình cũng như trong từng bài dạy sẽ giúp giáo viên xây dựng được kế hoạch bài dạy, điều chỉnh nội dung phương pháp, hình thức tổ chức và các kỹ thuật dạy học phù hợp. Chính vì vậy ngay từ những tuần đầu của năm học với vai trò là Tổ trưởng tổ chuyên môn 3 tôi hướng dẫn các giáo viên trong tổ sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, trước hết cần nắm vững chương trình môn học, nắm vững những yêu cầu cần đạt chung của từng hoạt động. Cụ thể với kỹ năng nói thì HS cần đạt được:

- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hóa.
- Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.
- Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.
- Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2- 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.
- Nói được một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.
- Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.
- Tưởng tượng và diễn tả lại dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó.
- Tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề.
- Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.

2. Nguyên tắc:

- Nguyên tắc giao tiếp: Với mục đích hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi. Sách giáo khoa mới lấy nguyên tắc dạy giao tiếp làm định hướng cơ bản. Quan điểm này được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp. Thông qua các hoạt động để rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt. Về phương pháp: các kỹ năng nói trên hình thành thông qua nhiều bài tập mang tính tình huống phù hợp với các hoạt động giao tiếp tự nhiên.
- Nguyên tắc tích hợp: Tích hợp trong một đơn vị học- tích hợp nội môn, tích hợp trong một tiết dạy hay một bài, một chủ điểm với nhiều mảng kiến thức và nội dung liên quan nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục.
- Nguyên tắc tích cực hóa các hoạt động học tập của học sinh. Bởi nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới chương trình, đổi mới sách giáo khoa là đổi mới phương pháp dạy và học. Chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học. Thầy cô đóng vai trò tổ chức các hoạt động, mỗi học sinh đều được hoạt động được bộc lộ và phát triển mình.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

I. Khảo sát

Để có tư liệu, nắm bắt được vấn đề nghiên cứu Tôi kết hợp dự giờ đưa ra phiếu các câu hỏi. Đồng thời kết hợp quá trình dạy học, theo dõi khả năng giao tiếp của học sinh, tôi tiến hành phân loại khả năng giao tiếp, hợp tác của học sinh theo các mức độ sau:

Mình chứng 1: Nội dung Phiếu khảo sát

(Tổng số học sinh được khảo sát là 32 học sinh)

Khả năng	Số HS	Tỉ lệ
Học sinh trả lời đúng, đầy đủ, rõ ràng	7 em	21,9 %
Học sinh trả lời đúng nhưng chưa nói thành câu hoàn chỉnh, nói còn nhỏ.	11 em	34,3 %
Học sinh trả lời chỉ đúng một phần câu hỏi, chưa mạnh dạn khi giao tiếp	7 em	21,9 %
Học sinh không trả lời đúng câu hỏi cô đưa ra	7 em	21,9 %

Đánh giá chung:

Kết quả khảo sát cho thấy, còn nhiều học sinh chưa biết cách diễn đạt, vốn từ chưa phong phú, hiểu biết thực tế còn ít, diễn đạt còn lúng cùn, chưa biết nói thành câu văn hoàn chỉnh. Kết quả này cũng phần nào thể hiện phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa phát huy được khả năng giao tiếp, hợp tác của học sinh trong học tập.

II. Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế

1. Nguyên nhân đạt được:

- Về phía giáo viên:

Ngoài sự hướng dẫn, quan tâm chỉ đạo của cấp trên thì nhà trường còn thường xuyên tổ chức thao giảng, dự giờ hàng tháng, tổ chức những buổi học chuyên đề thảo luận về chuyên môn để rút ra những ý kiến hay, những đề xuất kinh nghiệm tốt áp dụng trong việc giảng dạy.

Bản thân đã được tập huấn chương trình lớp 3 theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 nên nắm rõ mục tiêu, quan điểm xây dựng chương trình do đó có sự chủ động trong việc lựa chọn các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp đối với học sinh.

Bản thân luôn có ý thức trách nhiệm với học sinh, giảng dạy nhiệt tình, trau dồi tri thức, tìm tòi học tập để nâng cao trình độ, học hỏi ở đồng nghiệp để tìm ra phương pháp dạy học tối ưu nhất.

- Về phía học sinh:

Học sinh ở lứa tuổi tiểu học đặc biệt là đối với học sinh lớp 3 các em rất hiếu động trong tiết học, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận tìm ra kiến thức mới còn giúp cho học sinh phát triển ngôn ngữ, các em rất thích những lời khen, khích lệ, từ đó các em rất say mê phát biểu, chính là góp phần giúp các em rèn kỹ năng nói tốt hơn.

Đa số các em ngoan, có ý thức tự giác trong học tập.

2. Nguyên nhân hạn chế:

Vốn từ của các em còn ít, nhiều em chưa hiểu nói thế nào cho thành một câu đủ ý. Các em còn chưa hiểu thế nào là cấu tạo một câu, thường trả lời thiếu thành phần câu.

Nhiều em, bố mẹ đi xuất khẩu lao động, ở nhà cùng ông bà tuổi đã cao chưa nhận được sự quan tâm chu đáo, chắt chẽ trong việc rèn lời nói của cha mẹ nên khả năng giao tiếp còn hạn chế.

Sống ở vùng nông thôn, ít có điều kiện tiếp xúc nơi đông người nên các em còn rụt rè trong giao tiếp, chưa mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình hoặc có nêu ý kiến nhưng thường diễn đạt bằng những câu cụt, chưa đủ ý, hay khi nói những câu dài còn lộn xộn, chưa biết nói điều gì trước, điều gì sau.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh mà các em phải học trực tuyến trong thời gian dài, nghỉ hè cũng hạn chế ra ngoài nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp, hợp tác của các em.

Chương trình giáo dục phổ thông mới tuy được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo sâu sát của các cấp, giáo viên được tập huấn, tham gia chuyên đề để nắm được những phương pháp và kỹ thuật dạy học mới nhưng khi giáo viên vừa giảng dạy vừa đúc rút kinh nghiệm đôi khi còn không tránh khỏi lúng túng trong việc xác định hình thức tổ chức dạy học phù hợp để giúp các em nắm bài hiệu quả.

CHƯƠNG III: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Biện pháp 1: Đổi mới, sử dụng linh hoạt và xuyên suốt các hình thức, phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác của học sinh trong tất cả các giờ học.

1.1. Tạo không khí giờ học cởi mở, thân thiện, tôn trọng ý kiến của HS; GV là tấm gương trong giao tiếp cho học sinh noi theo.

1.1.1. Với cách dạy cũ:

GV hay theo một khuôn mẫu, nên dẫn đến việc câu trả lời của HS hay bị gò ép, cần phải trả lời đúng vào nội dung ngay. GV chưa chú tâm vào hình mẫu của chính mình.

Khi HS phát biểu, GV hay nhận xét đúng, sai, chưa động viên khích lệ HS tiếp tục tìm tòi ra cái đúng. GV chưa tôn trọng sự khác biệt giữa các em, còn phê bình khi sai, nên HS rất ngại phát biểu vì sợ nói sai.

1.1.2. Với cách dạy mới:

Về phía bản thân GV: tôi luôn tạo cho các em cảm giác an toàn khi phát biểu, dù đúng, dù sai. Trong bất kỳ giờ học nào, tôi luôn tôn trọng ý kiến của các em; đặc biệt tôn trọng sự khác biệt của HS. Học sinh có quyền nói lên suy nghĩ của mình, không ngại nếu nói chưa đúng, chưa rõ. Đặc biệt, tôi không gò ép HS, không dùng từ sai, mà sau mỗi lần HS trả lời chưa đúng, mà thay vào đó là khích lệ, động viên các em hãy suy nghĩ kỹ thêm chút nữa rồi đưa ra phương án. Tôi luôn là người theo dõi sát sao trong quá trình học tập của HS, để nhận ra sự tiến bộ của em đó so với giai đoạn trước. Trong mọi tiết dạy, tôi luôn ý thức được mình cần là một tấm gương trong giao tiếp để các em noi theo. Ngoài ra, tôi luôn tạo không khí lớp học gần gũi, động viên các em, quan tâm hơn đến những em ít nói, thụ động, những câu hỏi dễ thường dành cho

những em đó trả lời để các em cùng tham gia nói, tạo sự tự tin trong các em. Đối với những em hoàn thành tốt thì khuyến khích gọi mở bằng những câu hỏi về cảm nhận cá nhân để các em mạnh dạn trình bày ý kiến của mình, kích thích sự hứng thú ham học giỏi của các em.

Về phía HS, tôi chú trọng đến việc rèn luyện, hướng dẫn học sinh đánh giá, nhận xét bạn trên phương diện trao đổi, góp ý bằng thái độ gần gũi, thân thiện. Trong thảo luận cần tránh những cách nói như: Bạn sai rồi!, Dốt quá!, mà cần thay vào đó là: “Thế này sẽ tốt hơn!”, “Chúng mình cùng tìm một cách hợp lí hơn nhé”,...

Minh chứng 2: Hình ảnh giờ học thân thiện, học sinh tích cực

1.2. Sử dụng linh hoạt và xuyên suốt các hình thức, phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác của học sinh trong tất cả các giờ học.

1.2.1 Với cách dạy cũ: Trong quá trình dạy học tôi có kết hợp các phương pháp giảng dạy học như:

- **Thảo luận nhóm:** chia nhóm nhưng chủ yếu học sinh khá, giỏi được bày tỏ, chia sẻ ý kiến trước nhóm, trước lớp.
- **Tổ chức các trò chơi học tập:** ít áp dụng các trò chơi tăng cường kĩ năng nói cho học sinh, ít quan tâm giúp học sinh phát âm đúng, chuẩn các âm, vần dễ lẫn do ảnh hưởng của phương ngữ địa phương.
- **Phân vai dựng chuyện:** GV ít quan tâm lựa chọn nội dung câu chuyện trong tiết Nói và nghe có thể dựng được thành một vở kịch, màn kịch để hướng dẫn học sinh tham gia dựng lại câu chuyện vì mất nhiều thời gian, công sức.

1.2.2. Với cách dạy mới:

Trong quá trình dạy học tôi thường xuyên kết hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp, sinh động, sáng tạo trong mỗi tiết học giúp cho tiết học không nhàm chán và gây hứng thú với học sinh như:

a. Thảo luận nhóm: Khi các em được nói với nhau trong nhóm với bạn bè cùng trang lứa khiến các em tự tin hơn, giúp nhau sửa lỗi dễ dàng hơn. Từ đó, thêm mạnh dạn khi trình bày trước lớp. Việc ghi nhớ kiến thức cũng tốt hơn.

Việc chia nhóm của tôi có thay đổi là làm sao cho tất cả học sinh đều được tham gia vào hoạt động học tập, chia sẻ ý kiến. Với mỗi một vấn đề, để việc thảo luận nhóm hiệu quả, tôi dựa vào nội dung cũng như yêu cầu cần đạt của bài tập đó để giao nhiệm vụ cho HS sao cho hợp lí. Sau đó cho các em tự đưa ra ý kiến trong nhóm với nhau, phân tích bảo vệ ý kiến của mình rồi đi đến thống nhất chung của cả nhóm. Tiếp tục mời HS lên chia sẻ, báo cáo kết quả thảo luận. HS được nêu thắc mắc, phản biện với phần trình bày của nhóm bạn. Mời HS khác nhận xét phần trình bày của nhóm bạn, về phong thái tự tin, cùng với câu trả lời bạn đưa ra. Từ đó, kích lệ động viên các HS khác về mặt kiến thức cũng như về cách trình bày.

Minh chứng 3: Hình ảnh học sinh hoạt động nhóm tích cực

b. Tăng cường tổ chức các trò chơi học tập:

- Với một số bài học, GV có thể cho HS chia sẻ kết quả thông qua trò chơi thì GV sẽ thiết kế tên trò chơi, nội dung và cách chơi. Phổ biến để HS nghe hiểu luật chơi, vận dụng kiến thức học được để tham gia chơi. GV tạo điều kiện cho đông đảo HS tham gia chơi, nhất là những em nhút nhát. Sau đó HS có thể cho HS trải nghiệm bằng lời nói: giải thích phần kiến thức mà đội chơi của mình lựa chọn. Từ đây, HS được củng cố kiến thức, ghi nhớ bài lâu hơn, được phát triển kỹ năng nói, trình bày vấn đề.
- Với mục tiêu giúp các em phát âm chuẩn, đúng để tự tin hơn khi nói năng, giao tiếp thì GV có thể tổ chức các trò chơi học tập về thi đọc nhanh và đúng từ ngữ, câu có âm đầu, vần, thanh dễ lẫn.

Ví dụ: Trò chơi học tập về thi đọc nhanh và đúng từ ngữ, câu có âm đầu, vần, thanh dễ lẫn.

Chuẩn bị: Giáo viên và học sinh có thể tự nghĩ ra hoặc sưu tầm một số câu thơ, câu văn có những cặp âm đầu, vần, thanh dễ đọc, viết lẫn lộn (dựa vào lỗi sai trong cách phát âm ở địa phương) rồi ghi vào mảnh giấy “làm đề bài” thi đọc trong nhóm.

Cách tiến hành:

Đưa ra từng “đề bài” để lần lượt từng người đọc to trước các bạn. Nhóm cử ra một người theo dõi và đánh giá, hoặc cả nhóm cùng nghe và thống nhất đánh giá kết quả đọc của bạn theo tiêu chuẩn: đọc nhanh, phát âm đúng (xếp loại theo 3 loại A, B, C)

Khi đọc xong tất cả “đề bài”, tính tổng số điểm thống kê từng loại A, B, C để chọn ra các bạn đạt giải Nhất, Nhì, Ba. Cả nhóm có thể bình chọn để tuyên dương bạn nào sưu tầm (hoặc tự nghĩ ra) được nhiều câu hay, có nhiều tiếng mang cặp âm đầu, vần, thanh dễ lẫn.

Ví dụ minh họa:

Dựa vào những “đề bài” dưới đây, em có thể tìm thêm hoặc tự nghĩ ra những câu khác để đóng góp vào cuộc vui cùng các bạn.

(1) Đọc phân biệt các tiếng có âm đầu dễ lẫn

Phân biệt l/n:

+ *Lên non mới biết non cao*

+ *Nuôi con mới biết công lao mẹ thấy....*

(2) Đọc phân biệt các tiếng có thanh dễ lẫn (thanh hỏi/ thanh ngã):

Tôi đi qua ngõ thấy nhà bạn cửa còn bỏ ngõ

Cây đã đổ, nhưng chú chim chẳng còn nơi đến đỗ....

(3) Đọc phân biệt các tiếng có vần dễ lẫn

(ăn/ ăng):

Con trăn, cái chăn, khó khăn, bắn khoăn, nặn đồ chơi, lăn tăn...

Vàng trắng, lằng nhằng, im lặng, nặng nề, phẳng lặng, căng thẳng, cố gắng...

(ân/ âng):

Ân nhân, hối hận, bận rộn, đôi chân, khăn trương, thần đồng, cận thị, cần cù...

Vâng lời, nâng niu, tăng trệt, nâng cao, dâng lên, tang cầu, lằng lằng ...

Mình chứng 4: Học sinh tham gia trò chơi

c. Phân vai đóng kịch: GV lựa chọn nội dung truyện, tình huống phù hợp để lên kế hoạch đóng kịch cho HS. Sau đó, tôi soạn thành “Màn kịch ngắn” và chuẩn bị các đạo cụ đơn giản để HS tham gia đóng vai, hướng dẫn học sinh tham gia dựng lại câu chuyện (lời dẫn trong ngoặc đơn nhằm gợi ý về thái độ, cử chỉ, hành động của nhân vật hoặc gợi ý tạo dựng bài trí khung cảnh...). HS sẽ thể hiện các vai trong nhóm. Tự sửa cho nhau khi tập, từ lời nói đến cử chỉ, biểu lộ cảm xúc. Sau đó các nhóm được thể hiện trước lớp. HS được nhận xét về cách diễn xuất, cách xử lý tình huống của bạn đã hợp lý chưa. Từ đó, HS rút ra được bài học về ứng xử trong cuộc sống. HS được nói ra được trình bày, đó cũng là một cách ghi nhớ kiến thức sâu hơn.

Ví dụ: Câu chuyện Hàng xóm của Tắc Kè, Tiếng Việt 3, Tập 1, Trang 131 có thể được dựng lại thành kịch bản như dưới đây:

Tiểu phẩm: **Hàng xóm của Tắc Kè**

Nhân vật: bác Tắc Kè, cụ Cóc, chú Thần Lăn, cô Ốc Sên, anh Nhái Xanh

GV xây dựng kịch bản và soạn thành các “Màn kịch ngắn”:

Cảnh 1: Quang cảnh tại xóm Bồ Dậu: mọi người đang nói chuyện rôm rả. Thần lăn than phiền:

- Hôm qua Tắc Kè kêu gì thế nhỉ?

Ốc Sên đang chuẩn bị đi làm, nghe thấy góp chuyện:

- Tôi cũng nghe thấy.

Nhái Xanh lắc đầu:

- Thế cô có nghe rõ bác ấy kêu gì không?

Cảnh 2: Nhìn về phía nhà Tắc Kè. Thần lăn đáp lời Nhái Xanh:

- Chắc là, chắc là...

Nhái Xanh lại tiếp:

- Chắc là sao?

Thần Lăn đáp:

- Tôi cứ nghe bác ấy tặc lưỡi “chắc là, chắc là ...” chứ làm sao biết “chắc là” cái gì.

Cảnh 3: Cụ Cóc từ trong hang chống gậy đi ra, nhìn mọi người ho khò khò:

- Bác Tắc Kè kêu “đã về, đã về”. Bác ấy làm việc dự báo thời tiết ở đài khí tượng thủy văn, xa lắm. Được về thăm nhà mừng quá, vừa đến đầu ngõ đã phải kêu lên cho người nhà biết. Hơi ồn một chút, nhưng mình nên thông cảm cho bác ấy.

Cảnh 4: Thần lăn, ốc sên, nhái xanh ngơ ngác nhìn nhau:

- Ô, hóa ra là thế!

Thần lẩn có ý kiến:

- Tối nay chúng ta phải đến thăm bác Tắc Kè chứ nhỉ? Chẳng gì cũng là hàng xóm láng giềng với nhau, mà lâu lắm bác ấy mới về thăm nhà.

Mọi người đều nhất trí.

** Một số đồ vật phục vụ cho việc bài trí khung cảnh và diễn xuất:*

- Mũ in hình ảnh các con vật có trong câu chuyện.

Cách tiến hành:

(1) GV cho học sinh nhận vai, học thuộc lời thoại, nắm vững yêu cầu thể hiện tình cảm, thái độ (qua ánh mắt, cử chỉ, động tác, giọng nói...) của nhân vật trong chuyện.

(2) GV hướng dẫn các nhân vật tập đối thoại sao cho thuộc lời, phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng, tự nhiên (chưa cần diễn xuất cụ thể).

(3) GV hướng dẫn cách diễn xuất cho từng nhân vật theo “kịch bản” đã chuẩn bị (tương tự như “đạo diễn” dựng kịch nói hay hoạt cảnh); trình diễn thử với đạo cụ và bài trí khung cảnh nêu trong “kịch bản”.

(4) Học sinh trình diễn “màn kịch ngắn” trước lớp; GV cho cả lớp nhận xét, bình chọn những học sinh diễn xuất giỏi để biểu dương, khen thưởng.

Mình chứng 5: Hình ảnh HS tham gia đóng kịch

2. Biện pháp 2: Tăng cường dạy học lồng ghép, tích hợp nội môn, liên môn.

2.1. Với cách dạy cũ:

Trong khi dạy tôi chưa thực sự quan tâm đến việc dạy học lồng ghép, tích hợp nội môn, liên môn gộp lại các kiến thức từ hai hay nhiều nội dung. Chưa giúp học sinh tổng hợp hiểu biết và khả năng vận dụng kiến thức từ nhiều phần riêng biệt.

2.2. Với cách dạy mới:

Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt 3 thể hiện rõ quan điểm tích hợp. Theo quan điểm này, các hoạt động như đọc, viết, nói- nghe, viết chính tả, viết đoạn văn được tập hợp lại xung quanh trục chủ điểm; các nhiệm vụ cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng cũng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn trước. Thực hiện tốt quan điểm tích hợp góp phần khắc phục tình trạng “nghèo” ý tưởng và vốn từ cho học sinh, giúp học sinh diễn đạt tốt.

Việc rèn kỹ năng nói, kể không những chỉ trong tiết nói và nghe mà trong các tất cả các tiết của môn Tiếng Việt tôi cũng tạo điều kiện cho mọi HS được nói, được kể. Tôi đã tận dụng thuận lợi này để giúp các em được phát triển kỹ năng nói, kể như sau:

2.2.1. Đối với tiết Đọc:

Đặc biệt tôi coi trọng liên hệ giáo dục học sinh kỹ năng nói thông qua các bài đọc có nội dung phù hợp. Ví dụ: Ngay trong chủ điểm 1: Những trải nghiệm thú vị, có bài đọc “Lần đầu ra biển” có phần đóng vai Thắng giới thiệu về Hải. Tôi cho HS lên tập đóng vai và nói về nhân vật bằng những hiểu biết từ bài đọc. Sau đó, tôi phỏng vấn

HS: Khi nói trước lớp em cảm thấy thế nào? Từ đây tôi liên hệ khích lệ giáo dục học sinh cách nói năng, tâm thế, rèn các kĩ năng khi nói trước lớp, trước mọi người xung quang. Cứ như vậy với bài nào có nội dung giáo dục rèn kĩ năng nói tôi cũng lồng ghép để khích lệ học sinh.

Khi HS trả lời câu hỏi, tôi hướng dẫn HS cách trả lời câu hỏi, diễn đạt ý bằng câu văn gọn rõ, không trả lời bằng một vế câu.

Ngoài rèn chú ý đến việc nói to, rõ thì HS còn được phát triển kĩ năng nói, giao tiếp sao cho lịch sự, nhã nhặn, phù hợp với ngữ cảnh.

Ví dụ: Bài đọc *Cuộc họp của chữ viết* Tuần 7: Có yêu cầu: Em hãy góp thêm ý kiến để giúp bạn Hoàng viết đúng.

HS có thể nêu ý kiến của mình:

- *Bạn có thể suy nghĩ kĩ về câu cho hoàn chỉnh trước khi đặt bút viết.*
- *Mình nghĩ bạn nên soát lại câu một lần nữa trước khi viết.*

Với những yêu cầu trên của bài tập, khi thực hiện tôi không chỉ yêu cầu học sinh nói được thành câu đầy đủ theo tình huống mà các em cần phải biết thể hiện thái độ, cảm xúc, cử chỉ phù hợp khi giao tiếp với từng đối tượng. Nhất là thái độ khi góp ý cần tế nhị để giúp người nghe cảm thấy thoải mái và tiếp thu. Khi nói với cha, mẹ hoặc thầy cô phải có thái độ lễ phép, kính trọng vì vậy cử chỉ, nét mặt phải nghiêm túc, khi nói với bạn bè cần thân mật, vui vẻ.

2.2.2. Trong tiết Nói và nghe, tôi thực hiện như sau:

Nói và nghe có 2 dạng bài: nói theo chủ điểm và kể chuyện

a. Ở dạng nói theo chủ điểm

- GV nghiên cứu kĩ chủ đề luyện nói, có kế hoạch phân giải, tách chủ điểm lớn ra những chủ điểm nhỏ, những khía cạnh nhỏ phù hợp với nhiều đối tượng HS. Từ đó, giúp HS lựa chọn được chủ điểm phù hợp với mình.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi gợi ý, hình ảnh trực quan, đồ dùng liên quan đến chủ đề luyện nói.
- Sử dụng sơ đồ tư duy để lưu lại những ý chính, giúp HS nhớ và nói liền mạch nội dung.

b. Ở dạng bài kể chuyện

- Tôi chú ý tạo ra tình huống trong khi kể chuyện để HS phát huy được năng lực. Khi kể chuyện, không kể một mạch từ đầu đến cuối, mà sau những đoạn ngắn thì dừng lại và hỏi HS nghe được những gì, phán đoán những chi tiết tiếp theo.
- Chú trọng hướng dẫn HS nhớ, thuộc những lời đối thoại quan trọng trong câu chuyện.
- Sử dụng sơ đồ tư duy để HS nhớ nội dung câu chuyện.
- Sử dụng hình ảnh trực quan để HS nhớ được cốt truyện.
- Ngoài ra, tôi tìm mọi cách để giúp cho tất cả các em đều phải kể được câu chuyện. Đối với những em có tính rụt rè, ít nói, tôi kiên trì giúp đỡ các em kể cho bằng được. Lúc đầu chỉ yêu cầu các em kể được một đoạn, sau đó nâng dần yêu cầu lên. Qua mỗi tiết học, phải rèn cho học sinh được nói ít nhất là một đến hai câu. Cần chú ý hướng

dẫn học sinh có tư thế, có giọng kể thích hợp, biết sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ, đặc biệt nắm vững câu chuyện định kể. Khi các em đã có thể kể được một đoạn chuyện, một câu chuyện thì các em đã bước đầu hình thành được kỹ năng nói theo các cấu trúc câu đầy đủ, dần hiểu được rằng kể chuyện thì phải có trình tự, có logic, có đầu có đuôi, câu cú phải rõ ràng, đầy đủ các bộ phận mới khiến người khác hiểu được nội dung câu chuyện. Vì vậy, ngoài cho học sinh tập kể trên lớp, tôi còn yêu cầu các em về nhà kể lại câu chuyện cho người thân trong gia đình nghe, có thể quay lại video gửi cho cô giáo.

2.2.3. Dạy tốt tiết Luyện tập về từ và câu để cung cấp cho học sinh vốn từ, cấu tạo câu. Qua đó, giúp HS nhận ra mục đích sử dụng câu và cách sử dụng câu phù hợp trong các tình huống.

Để nói tốt thì trước hết học sinh phải học tốt về từ và câu, bởi nó cung cấp cho các em rất nhiều vốn từ thuộc từng chủ điểm, giúp các em nhận biết các loại từ, các mẫu câu để từ đó các em biết sử dụng từ để nói thành câu đúng, có nói đúng thì các em mới nói tốt được. Để phát huy được hiệu quả tiết Luyện tập về từ và câu phục vụ cho học sinh phát triển kỹ năng nói, tôi đã thực hiện những việc làm sau:

+ Mở rộng vốn từ cho học sinh: Trong các tiết Luyện tập về từ và câu tôi cũng thường xuyên cung cấp vốn từ cho các em theo chủ điểm.

Ví dụ 1: Khi dạy chủ điểm “Cổng trường rộng mở”, Bài 16, phần Luyện tập, Bài tập 1 yêu cầu: xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:

tìm sách, thẻ thư viện, phiếu mượn sách, mượn, giá sách, người mượn, người đọc, báo, thủ thư, đọc, trả.

Người	Đồ vật	Hoạt động

Với bài tập này, tôi cho HS thảo luận theo cặp, trao đổi tìm các từ theo yêu cầu. Sau đó có thể tổ chức trò chơi, mỗi đội chơi một nhóm từ. Vừa phát huy năng lực lại tạo hứng thú cho HS. Ngoài ra, tôi cho HS tìm thêm các từ ngoài các từ cho sẵn để giúp các em mở rộng vốn từ. Hướng dẫn các em đặt câu, để vận dụng vốn từ ngữ vào trong văn cảnh cụ thể phù hợp.

Ví dụ 2: Khi dạy chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”, Bài 26, phần Luyện tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau; Câu khiến, ở Bài tập 3 với yêu cầu: Đọc lại câu chuyện “Đi tìm mặt trời” đặt câu khiến trong mỗi tình huống sau:

- Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liêu diêu, hoặc chích chòe đi tìm mặt trời.
- Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.

Với bài này, tôi cho HS khai thác đề bài, nghe lại câu chuyện, biết được vai của mỗi nhân vật sẽ làm gì. Tôi giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm lớn, tự đóng vai đặt câu,

chia sẻ câu trong nhóm để các bạn góp ý được câu phù hợp. Sau đó mời các nhóm đóng vai trước lớp, các bạn ở dưới chia sẻ phần câu của mình. Từ phần đóng vai, tôi cho HS nhận xét về cách diễn xuất của bạn, sự tự tin của bạn khi đóng vai trước lớp để vừa khen ngợi các em làm tốt và động viên các em khác tự tin hơn nữa. Cũng qua bài tập này, tôi hỏi HS khi sử dụng câu khiến với bạn bè, em bé hơn hay người lớn thì cần nói với từ ngữ và thái độ như thế nào cho phù hợp. HS nhận ra và chia sẻ, khắc sâu được kiến thức, biết vận dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, ngoài việc tìm ra kiến thức theo yêu cầu của bài, HS còn được phát triển kĩ năng nói, mạnh dạn nêu ý kiến, đặc biệt nói như thế nào cho phù hợp với từng ngữ cảnh.

2.2.4. Rèn kĩ năng nghe-nói trong tiết Luyện tập viết đoạn văn:

Trong chương trình sách giáo khoa lớp 3 mới, trong mỗi tiết viết đoạn văn thường có ba bài tập, bài tập 1 là đưa ra một đoạn văn bản với các câu hỏi để hiểu nội dung văn bản đó, hoặc là các bức tranh với các câu hỏi gợi ý về nội dung tranh. Đến bài tập 2, HS sẽ được luyện viết sau những kiến thức vừa chia sẻ được, khái quát được ở bài tập 1. Cuối cùng là bài tập 3, trao đổi đoạn hoặc câu em viết với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay. Một mạch kiến thức logic, giúp HS phát huy được năng lực từ nghe, nói đến viết và sau đó là biết chỉnh sửa câu văn cho nhau bằng lời nói và chia sẻ, góp ý.

Ví dụ: Tiết Viết đoạn văn tuần 11- SGK TV3- tập 1

Bài tập 1: Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật trong mỗi tranh



Khi cho học sinh giới thiệu về ngôi nhà, tôi định hướng cho các em trình tự giới thiệu: Tôi sẽ hỏi về từng tranh. Ví dụ:

- *Ngôi nhà trong tranh 2 thuộc loại nhà gì? Với câu hỏi này, tôi cho nhiều học sinh giới thiệu theo ý hiểu và sự sáng tạo của các em. Các em đã đưa ra nhiều câu giới thiệu khác nhau (Đây là một ngôi cấp 4 nằm trong một xóm nhỏ. Đây là một ngôi cấp 4 ở vùng quê. Đây là ngôi nhà một tầng nằm ở vùng nông thôn.) như vậy, học sinh được thực hành nói nhiều và cũng được nghe các bạn nói lời giới thiệu về nội dung trong tranh.*

- *Ngôi nhà đó có những đặc điểm gì nổi bật? (hình dáng, màu sắc, cảnh vật xung quanh,...), ở phần mô tả về ngôi nhà, tôi hướng dẫn học sinh sử dụng các mẫu câu đã học để nói thành câu hoàn chỉnh (Ngôi nhà có mái ngói đỏ tươi. Cảnh vật xung quanh ngôi nhà mới yên tĩnh làm sao! Ngôi nhà được sơn màu vàng ...). Tuy nhiên,*

trong quá trình mô tả hình dáng, đặc điểm của ngôi nhà học sinh thường mắc phải lỗi lặp từ, chính vì vậy, ngoài rèn cho học sinh kỹ năng nói thành câu, cần phải phát triển kỹ năng nói thành đoạn sao cho mạch lạc, rõ ràng, không bị lặp từ thì câu văn, đoạn văn mới hay.

- *Đặc điểm cụ thể của ngôi nhà như thế nào? Bên ngoài (tường, cửa sổ, cửa ra vào, ...); Với những câu hỏi này, các em có nhiều cách nói khác nhau như: (Tường của nó rất chắc chắn, màu sơn còn sáng bóng. Ngôi nhà có hai chiếc cửa sổ hình vuông xinh xắn. Ngay giữa là cửa ra vào, có khóa cẩn thận....), hoặc có nhiều em có cách nói sinh động hơn (Chiếc cửa chính hình chữ nhật có màu xanh lá rất đẹp. Hai bên là cửa sổ để mỗi khi mở ra nhìn từ trong nhà là thấy cả khu vườn rộng rãi.)*

- *Em có cảm nghĩ gì, khi quan sát ngôi nhà đó? HS sẽ bộc lộ cảm xúc của mình có thể bằng câu cảm hoặc câu kể (Em thấy ngôi nhà thật đẹp! Ngôi nhà trong thật xinh xắn! Ngôi nhà ở giữa một nơi rộng rãi và yên tĩnh....)*

Sau khi học sinh trả lời từng câu hỏi rồi như vậy, tôi yêu cầu các em ghép thành một đoạn văn nói. Khi nói thành đoạn văn, các em sẽ hiểu cách nói như thế nào cho đúng, cho logic để người nghe thấy dễ hiểu, dễ hình dung ra điều mình nói.

Bài tập 2: Viết đoạn văn tả ngôi nhà em.

Bằng quan sát và kiến thức thực tế về ngôi nhà của mình, cùng với việc nhớ lại những câu hoàn chỉnh mình vừa tập nói ở bài 1 để sắp xếp viết đoạn văn sao cho phù hợp.

Bài tập 3: Trao đổi đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

Tôi cho HS trao đổi với bạn. HS tiếp tục lại có cơ hội được trình bày với bạn, trình bày trước lớp về đoạn văn của bạn đã đạt chưa, và chia sẻ đoạn văn của mình.

2.2.5. Trong tiết đọc mở rộng:

- Coi trọng tổ chức tốt hoạt động 2 trong tiết học bằng cách cho học sinh chia sẻ, nói, thuyết trình, kể về những điều thú vị, những điều hay, bài học em rút ra được qua các cuốn sách, câu chuyện, đoạn, văn, đoạn thơ, ...các em tìm đọc được.

2.2.6. Phát triển kỹ năng nói trong những môn học khác:

* **Với cách dạy cũ**: ở các môn học khác như Đạo đức hay Tự nhiên và xã hội, Hoạt động trải nghiệm thông thường việc luyện nói diễn ra thường xuyên ở các hoạt động như quan sát tranh, thảo luận nhóm, đóng vai, đàm thoại với giáo viên,... Trong khi dạy học tôi chưa thực sự chú trọng cho học sinh được phát triển kỹ năng nói nhất là khi các em phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm,... Các hoạt động như quan sát tranh, thảo luận nhóm, đóng vai, đàm thoại với giáo viên,... các hoạt động này giúp học sinh tham gia hoạt động ngôn ngữ rất nhiều, tôi chưa quan tâm tạo môi trường tốt để học sinh được phát triển kỹ năng nói.

* **Với cách dạy mới**: Hiểu được vai trò của phát triển ngôn ngữ, cụ thể là kỹ năng nói chính là công cụ để trình bày kiến thức thì tôi luôn tạo môi trường tốt để học sinh được phát triển kỹ năng nói. Cụ thể:

Ví dụ: Khi dạy bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình.

Tôi gợi ý cho học sinh dựa vào tấm ảnh mình mang đi để giới thiệu về các thế hệ trong gia đình của mình, những người họ hàng với các bạn trong nhóm (nhóm 2 hoặc nhóm 4) theo câu hỏi gợi ý:

+ Gia đình em có những ai? Những thành viên bên nội của em là ai? Những thành viên bên ngoại của em là những ai? Mọi người trong gia đình, họ hàng đối xử với nhau như thế nào? Em thường làm gì để thể hiện tình cảm của mình đối với họ hàng?

Mời đại diện một số nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét về cách trình bày của bạn đã đầy đủ, rõ ràng, rành mạch chưa? Dựa vào câu trả lời của các em sẽ nhận biết được các em đã hiểu bài được đến đâu, những học sinh hiểu bài sẽ trình bày được câu trả lời một cách rành mạch, chính xác, còn những em chưa hiểu bài sẽ trả lời lúng túng, không rõ ràng. Căn cứ vào những thông tin như vậy mà tôi có cách điều chỉnh việc dạy học sao cho các em nắm được bài và biết cách trình bày câu trả lời.

C. KẾT QUẢ

I. KẾT QUẢ:

Trên đây là toàn bộ những nội dung, phương pháp, những việc cần làm mà tôi hàng ngày vẫn đã và đang thực hiện. Cho đến thời điểm hiện tại, tôi thấy được kết quả như sau:

*** Trước khi áp dụng các biện pháp:** (Tổng số học sinh được khảo sát là 32 em)

Khả năng	Số HS	Tỉ lệ
Học sinh trả lời đúng, đầy đủ, rõ ràng	7 em	21,9 %
Học sinh trả lời đúng nhưng chưa nói thành câu hoàn chỉnh, nói còn nhỏ.	11 em	34,3 %
Học sinh trả lời chỉ đúng một phần câu hỏi, chưa mạnh dạn khi giao tiếp	7 em	21,9 %
Học sinh không trả lời đúng câu hỏi cô đưa ra	7 em	21,9 %

*** Sau khi áp dụng các biện pháp:**

Khả năng	Số HS	Tỉ lệ
Học sinh trả lời đúng, đầy đủ, rõ ràng, mạnh dạn trong giao tiếp	16 em	50 %
Học sinh trả lời đúng nhưng chưa nói thành câu hoàn chỉnh, nói còn nhỏ.	7 em	21,9 %
Học sinh trả lời chỉ đúng một phần câu hỏi, chưa mạnh dạn khi giao tiếp	5 em	15,6 %
Học sinh không trả lời đúng câu hỏi cô đưa ra	4 em	12,5 %

II. KẾT LUẬN:

Trong thời gian tiến hành một số biện pháp *Phát triển kỹ năng nói cho học sinh lớp 3 qua môn Tiếng Việt* đối với HS lớp mình tôi nhận thấy không khí trong những giờ học trở nên sôi nổi hơn, học sinh rất tích cực, các em chuyển từ thụ động sang chủ động chiếm lĩnh kiến thức, thích thú với những hình thức học tập mới lạ. Đa số học sinh đã thực hiện được các hoạt động, nói lưu loát, lễ phép và hoàn thành mục tiêu của tiết học. Học sinh trở nên tự tin, mạnh dạn, hứng thú, tích cực hơn trong các tiết học. Khi tiến hành các hoạt động, tình huống giao tiếp có vấn đề tôi thấy các em đã có nhiều cách xử lý hay, thú vị và thông minh. Khi giáo viên vận dụng các phương pháp, hình thức dạy học mới thì các em hào hứng, tham gia nhiệt tình vào tiết học. Qua đó mà kỹ năng nói của các em được hình thành và gắn liền với các bài học gần gũi với thực tiễn cuộc sống. Từ đó giúp học sinh củng cố, khắc sâu kiến thức một cách bền vững, kỹ năng giao tiếp được phát triển, thái độ học tập có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng học tập.

Về phía bản thân, tôi cảm thấy nhẹ nhàng hơn, không còn mệt mỏi khi truyền thụ kiến thức cho học sinh. Vì kiến thức được các em tiếp thu một cách chủ động, tích cực thông qua các hình thức tổ chức dạy học phong phú. Tôi có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học sao cho phù hợp nhất, đảm bảo rèn đúng kỹ năng cho học sinh theo mục tiêu bài tập.

Khả năng dùng từ, nói thành câu, biết sử dụng các kiểu câu đúng mục đích nói, nói thành đoạn của các em tiến bộ hơn trước nhiều. Đa số học sinh lớp tôi biết trình bày câu trả lời một cách đầy đủ, nội dung rõ ràng.

III. KHUYẾN NGHỊ:

1. Đối với gia đình:

- Từ khi trẻ bập bẹ biết nói, những người lớn tuổi trong gia đình phải luôn lưu tâm uốn nắn lời ăn tiếng nói của con em mình. Các cụ đã dạy “Uốn cây từ thuở còn non”. Không những thế, người lớn còn là tấm gương cho trẻ noi theo.

2. Đối với giáo viên:

- Phải đọc kỹ sách giáo khoa, sách hướng dẫn để nắm chắc yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp dạy học từ đó sẽ có sự lựa chọn các hình thức dạy học phù hợp và chuẩn bị ĐDDH đầy đủ.

- Khi thiết kế bài giảng, giáo viên cần chuẩn bị kỹ lưỡng hệ thống câu hỏi gợi ý phù hợp từng đối tượng học sinh, đặc biệt chú trọng tới học sinh còn chậm, tự kỷ, học sinh yếu kém.

- Khi thực hiện giáo viên phải phân tích kỹ nội dung, yêu cầu của từng bài để học sinh không lúng túng (*đối với bài quá khó có thể làm mẫu cho học sinh*).

- Thay đổi bản thân người giáo viên, là tấm gương trong giao tiếp để HS noi theo. Bên cạnh đó, tạo không khí lớp học cởi mở và cho HS thấy được sự tôn trọng khi nêu ra ý kiến.

- Khi tổ chức hình thức dạy học, cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các hình thức để tránh nhàm chán cho học sinh, cần đánh giá công bằng, chính xác, không nên có thái độ thiên vị. Giáo viên cũng nên động viên, khuyến khích để các em học sinh còn chậm, tự kỷ, học sinh yếu kém có điều kiện hoà đồng, tích cực tham gia học tập cùng với các bạn trong lớp.

- Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cần dành nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu giảng dạy, tăng cường hiệu quả của các giờ sinh hoạt chuyên môn để đưa ra những bài giảng sinh động, hấp dẫn. Ngôn ngữ của giáo viên phải chuẩn mực, chính xác, trong sáng.

3. Đối với học sinh:

- Khi làm việc theo nhóm khuyến khích học sinh phải tích cực suy nghĩ động não, tránh ỷ lại các bạn nhóm trưởng. Tuy nhiên, đối với học sinh còn chậm, tự kỷ, học sinh yếu kém cần phải có sự hỗ trợ tích cực của các bạn trong nhóm. Có thái độ nhận xét, góp ý với bạn thật chân thành, thân thiện, tránh thô lỗ.

- Khi tham gia chơi tránh hò hét quá to ảnh hưởng tới các lớp học xung quanh và không nên có thái độ “ăn thua” trong khi chơi.

- Phát triển kỹ năng nói cho học sinh lớp Ba là một việc làm có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở cho việc tiếp thu có hiệu quả các môn học, đồng thời giúp các em mạnh dạn, tự tin hơn trong học tập, trong giao tiếp hàng ngày. Sau một thời gian áp dụng các biện pháp trên, sự tiến bộ trong giao tiếp, trình bày vấn đề của học sinh được nâng lên rõ rệt, học sinh mạnh dạn, tự tin.

Chắc chắn rằng các biện pháp tôi đưa ra còn nhiều hạn chế, thiếu sót do đúc kết từ kinh nghiệm giảng dạy của cá nhân. Tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp chân thành của các bạn đồng nghiệp, BGH nhà trường, của hội đồng khoa học cấp trên giúp cho việc học tập đạt hiệu quả tốt nhất góp phần đổi mới phương pháp dạy học thành công. Tôi xin chân thành cảm ơn.

Châu Sơn, ngày tháng năm 2024

Người viết

Nguyễn Thị Kim Huệ

Tôi xin cam đoan đề tài trên do tôi tự nghiên cứu và hoàn thiện.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa lớp 3 của một số môn học: Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội ... (Kết nối tri thức với cuộc sống) – Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) – NXB GDVN
2. Sách giáo viên lớp 3 của một số môn học: Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội ... (Kết nối tri thức với cuộc sống) – Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) – NXB GDVN
3. Phương pháp dạy học Tiếng Việt Tiểu học – Đỗ Trung Hiệu – NXB ĐHSP
4. Soạn Bài Giảng Tương Tác Với PowerPoint Visual Basic (VBA), Quiz Builder, Adobe Flash – Phạm Quang Huy, Trương Thanh Thuởng, Trương Minh Trí – NXB Bách Khoa Hà Nội
5. Tham khảo các nguồn trên Internet: Youtube, Violet.

C. Tách ra khỏi nhóm, đợi các bạn hoàn thành bài.

Câu 7. Nếu chẳng may bị lạc đường, con sẽ làm gì?

A. Không biết làm gì.

B. Tự tìm đường về nhà

C. Nhờ sự trợ giúp của mọi người hỏi đường về, nhờ gọi điện,)

Câu 8. Khi con mắc lỗi hoặc được người khác giúp, con đã biết và vui vẻ:

A. Nói lời cảm ơn hay xin lỗi phù hợp

B. Chưa bao giờ

C. Có cảm ơn hoặc xin lỗi nhưng chỉ với người lớn tuổi hơn

Câu 9. Con có muốn tham gia vào các hoạt động ở lớp được thầy cô tổ chức không?

A. Rất thích

B. Không thích

C. Con muốn nhưng còn e ngại.

Câu 10. Ở nhà, ở trường con có hay chia sẻ với thầy cô và bạn bè không?

A. Không bao giờ

B. Có nhưng ít khi

C. Thường xuyên thắc mắc với thầy cô những gì mình chưa hiểu, tích cực trao đổi với bạn bè

Câu 13: Nêu những mong muốn của bản thân em khi học ở trường?

.....

(Xin cảm ơn các em đã hỗ trợ thầy cô, chúc các em chăm ngoan, học giỏi)

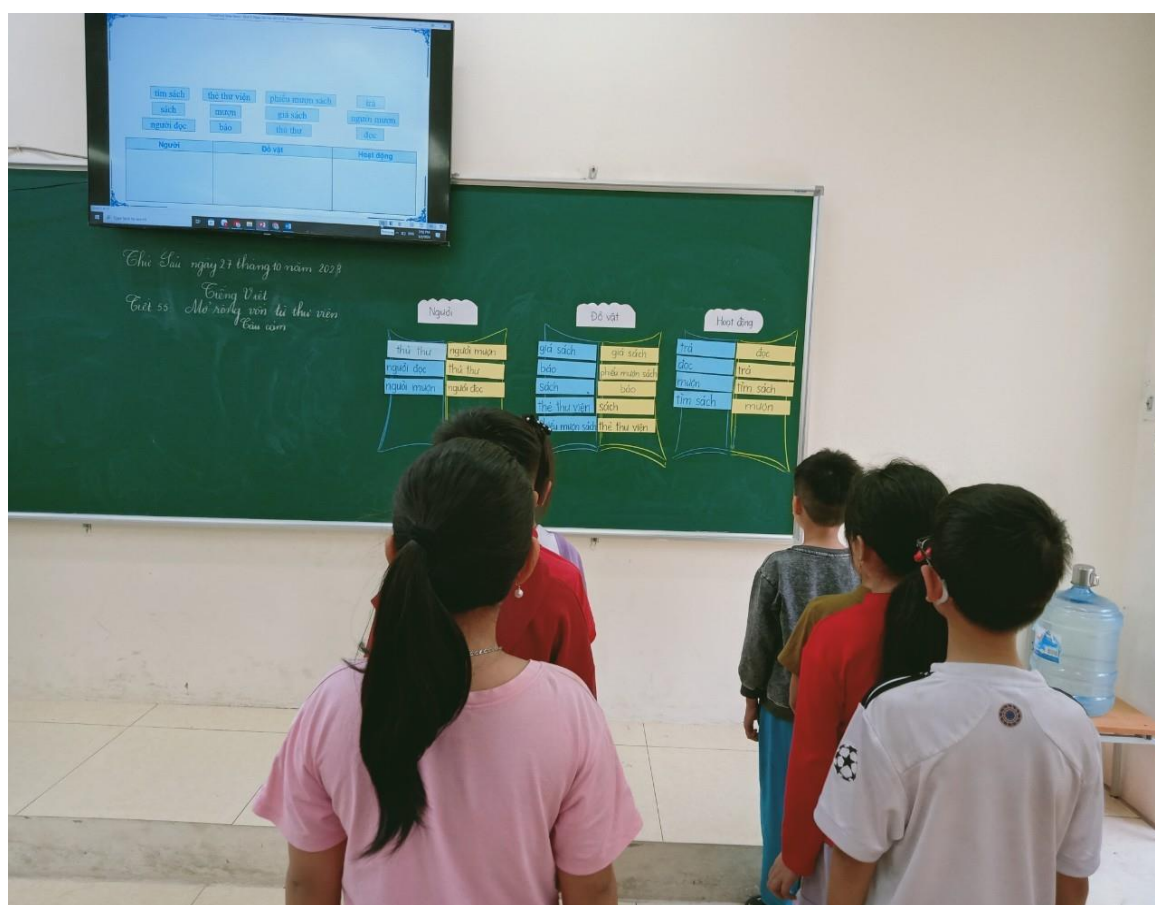
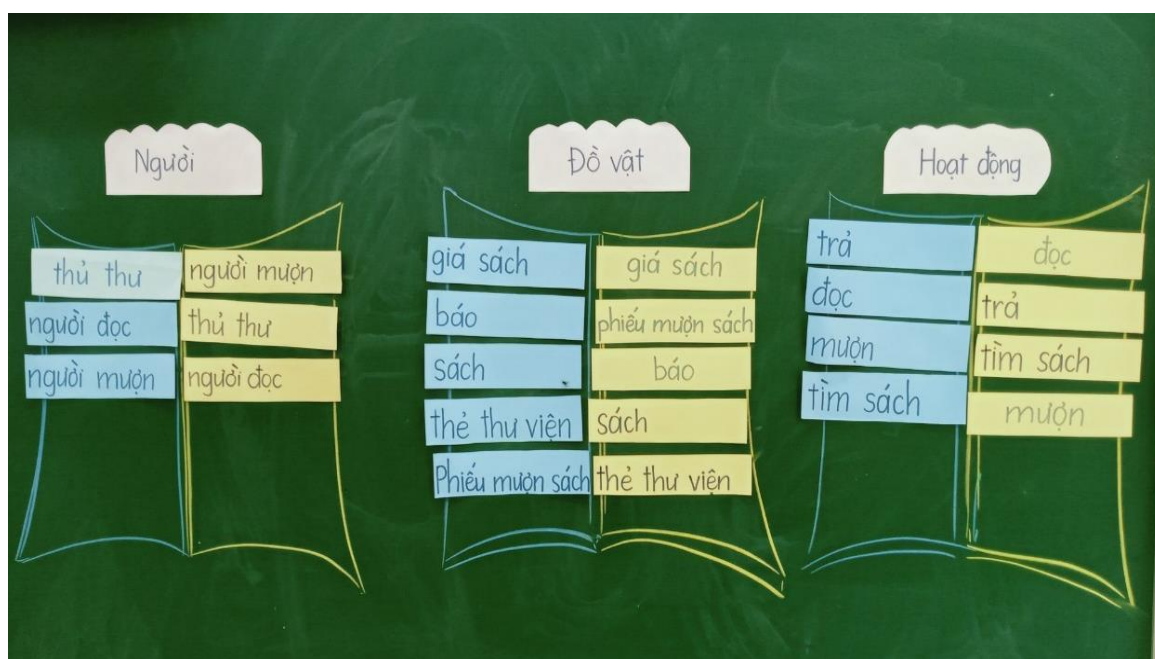
Minh chứng 2: Hình ảnh lớp học thân thiện, học sinh tích cực.



Minh chứng 3: Hình ảnh học sinh hoạt động nhóm tích cực



Minh chứng 4: Hình ảnh HS tham gia trò chơi



Minh chứng 5: Học sinh tham gia đóng kịch



